TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16** /2017/HNGĐ- ST
Ngày: 05/9/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H Thị Tám**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Quang Lực**
2. Bà **Lò Thị Dỉnh**

Thư ký phiên tòa: Bà ***THo Thị Thu NHn***, là Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **114**/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"***; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 17/8/2017 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà **Trần Thu H** - sinh năm: 1975
Địa chỉ: Số nH 69, tổ dân phố 03, phường TB, tHnh phố ĐBP, tỉnh ĐB (*Có mặt*);

***** Bị đơn: Ông **Vũ Đan T** (Tên gọi khác: **Vũ Quang Đ**) **-** sinh năm: 1973
Địa chỉ: Số nH 69, tổ dân phố 03, phường TB, tHnh phố ĐBP, tỉnh ĐB (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thu H và ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh

phúc được thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng. Hiện bà H và ông T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Cho đến nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) để bà H yên tâm làm ăn, nuôi con và ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Bà Trần Thu H và ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) có hai con chung là cháu Vũ Việt H sinh ngày 13/12/2002 và cháu Vũ Phương L sinh ngày 11/8/2010. Bà H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Cháu Vũ Việt H và cháu Vũ Phương L đều có đơn theo nguyện vọng xin được ở với mẹ, bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) trình bày:

Về hôn nhân: Ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) và bà Trần Thu H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà H thường xuyên đi xa nH để lại hai đứa con nhỏ cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ngoài ra bà H còn lấy tiền dành dụm của hai vợ chồng đi lô đề, cờ bạc, tuy ông T đã động viên và cho bà H nhiều cơ hội sửa chữa, ông T cũng đã bán một số tài sản đi để trả nợ cho bà H cụ thể là căn nhà VH 1 (tại số nhà 67, tổ dân phố 3, phường TB); căn nhà VH 2 (tại số nhà 69, tổ dân phố 3, phường TB); căn nhà tại số nhà 77, tổ dân phố 3, phường TB, thành phố ĐBP và một chiếc xe ô tô INOVA biển kiểm soát 30N - 0222. Cho đến nay bà H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố ĐBP giải quyết ly hôn với ông T, ông T không nhất trí vì thương con, không muốn con cái thiếu thốn tình cảm của bố và mẹ, ông T có nguyện vọng đề nghị tòa án hòa giải cho vợ chồng ông được đoàn tụ, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Vũ Việt H sinh ngày 13/12/2002 và cháu Vũ Phương L sinh ngày 11/8/2010. Trường hợp vợ chồng ly hôn ông T cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông. Ông T có ý kiến cho rằng hai cháu từ bé đều do một mình ông T chăm sóc, nuôi dưỡng vì bà H thường xuyên vắng nH, không có trách nhiệm gì với con cái gia đình nên ông T rất thương các cháu và không yên tâm để cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thụ lý vụ án «ng Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) đã có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đề đạt nguyện vọng được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Ngµy 28/6/2017 Tßa ¸n ®· ra th«ng b¸o vÒ phiªn hßa gi¶i lần 1 và ngµy 13/7/2017 Tßa ¸n tiÕp tôc ra th«ng b¸o vÒ phiªn hßa gi¶i lÇn 2 nhưng «ng Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện ông T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Ngµy 31 th¸ng 7 n¨m 2017 Toµ ¸n ®· ra QuyÕt ®Þnh ®a vô ¸n ra xĐt xö sè 20/2017/Q§XX - ST ngµy 31 th¸ng 7 n¨m 2017 xĐt xö vµo ngµy 17/8/2017 nhng «ng T vẫn kh«ng cã mÆt t¹i phiªn tßa. Héi ®ồng xĐt xö ®· ra QuyÕt ®Þnh ho·n phiªn tßa vµ ấn định phiªn tßa xĐt xö vô ¸n ®Ìc mở lại vµo hải 15 giê 00 phót ngµy 05/9/2017. TÊt c¶ c¸c thñ tôc tè tông trªn Tßa ¸n ®· tống đạt hợp lệ và niêm yết theo ®óng quy ®Þnh ph¸p luËt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thẩm quyền**: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Trần Thu H đối với ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) cùng trú tại số nhà 69, tổ dân phố 03, phường TB, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Đan T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng ông Vũ Đan T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Vũ Đan T không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt ông Vũ Đan T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về yêu cầu khởi kiện**:

Về hôn nhân: Bà Trần Thu H và ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, nhưng ông T - bà H không đi đăng ký kết hôn nên không phát sinh quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thu H cũng giữ nguyên quan điểm không nhất trí đoàn tụ vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và yêu cầu HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết; điều khoản quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo*

quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Luật này."

Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là Vũ Việt H sinh ngày 13/12/2002 và cháu Vũ Phương L sinh ngày 11/8/2010. Nguyện vọng của bà H và ông T đều muốn trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và đều không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng. Xét về mọi mặt thì cả ông T và bà H đều có đủ điều kiện để nuôi cả hai cháu, tuy nhiên cả hai cháu lại có nguyện vọng và mong muốn được ở với bà H. HĐXX xét thấy việc giao cả hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Vũ Việt H, Vũ Phương L và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thu H và ông Vũ Đan T không có yêu cầu tòa giải quyết, nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thu H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸n phÝ, lÖ phí Tßa ¸n.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thu H và ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ).

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Vũ Việt H sinh ngày 13/12/2002 và cháu Vũ Phương L sinh ngày 11/8/2010 cho bµ Trần Thu H trùc tiÕp nu«i dìng, ch¨m sãc, gi¸o dôc và chÊp nhËn sù tù nguyÖn cña bà H không yêu cầu «ng T cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H.

¤ng T cã quyÒn gÆp gì, th¨m nom ch¨m sãc, gi¸o dôc con chung, kh«ng ai ®îc ng¨n c¶n, c¶n trë. V× lîi Ých cña con, theo yªu cÇu cña mét hoÆc c¶ hai bªn ®¬ng sù, Tßa ¸n cã thÓ quyÕt ®Þnh thay ®æi ngêi trùc tiÕp nu«i con vµ viÖc cÊp dìng nu«i con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thu H phải chịu **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001471 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

5. ¸p dông §iÒu 271 vµ 273 Bộ luật tố tụng dân sự: bà Trần Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*05/9/2017*); ông Vũ Đan T (tên gọi khác: Vũ Quang Đ) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Tám

Nơi nhận:
- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*